TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2020/HS-ST
Ngày 11 - 09 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

- Bà Trần Thị Trúc Mai.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Huynh – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên toà: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2020/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 1986, tại An Phú, An Giang; ĐKNKTT và nơi ở: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1970 và bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên Ngô Thị Huỳnh N, sinh năm 2001; có 01 con sinh năm 2018.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình, học đến lớp 9 nghỉ học phụ giúp gia đình. Sống bằng nghề làm thuê cho đến ngày phạm pháp. Trong thời gian được tại ngoại đã thực hiện hành vi "sử dụng trái phép chất ma túy". Hiện đang được cắt cơn, giải độc tại Cơ sở Điều trị - Cai nghiện ma túy tỉnh An Giang.

Tiền sự, tiền án: Chưa

Bị cáo tại ngoại;

Bị cáo có mặt.

- *Bị hại*:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án*:

1/ Ông nguyễn Thanh X, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2/ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3/ Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1989.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh X có mặt; những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/4/2020, Nguyễn Thanh X điều khiển xe môtô biển kiểm soát 67G1-143.37 (xe của bà Nguyễn Thị T mẹ ruột X) đến nhà anh K (ấp T, thị trấn L) uống cà phê cùng với Nguyễn Văn L, Phạm Văn C, Nguyễn Văn H, Hồ Thị T1 và Lê Thanh N. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L mượn xe 67G1-143.37 để đi công việc, được X đồng ý. Do cần tiền tiêu xài, nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe 67G1-143.37. Để thực hiện, L điều khiển xe 67G1-143.37 sang Camphuchia để thế chấp nhưng do đêm khuya các tiệm cầm đồ đóng cửa nên không thế chấp được, rồi L ngủ lại tại Campuchia. Đến khoảng 11 giờ ngày 29/4/2020, L điều khiển xe đến tiệm cầm đồ thế chấp lấy 200 USD (khoảng 4.600.000 đồng) để đánh bạc và thua hết.

Ngày 01/5/2020, X và bà T phát hiện L mang xe 67G1-143.37 thế chấp tại tiệm cầm đồ ở Campuchia, nên đến Công an trình báo sự việc; đồng thời nhờ người sang Capuchia chuộc lại xe.

Căn cứ Kết luận định giá số 19/KL-ĐGTSTTHS ngày 18/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định:

01 (một) xe mô tô biển số 67G1-143.37, màu sơn nâu vàng đen, nhãn hiệu Honda, số khung 5359DY007200, số máy JC54E1012730, giá trị là 4.875.000 (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Ngày 02/6/2020, Nguyễn Văn L bị khởi tố, điều tra

Cáo trạng số 32/VKS.HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Nguyễn Văn L, về tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Văn L thú nhận, sau khi mượn được xe, L nảy sinh ý định chiếm đoạt mang cầm để lấy tiền tiêu xài. L đã mang xe sang Campuchia cầm được 200 USD mang đi đánh bạc và thua hết. Ngoài ra L còn khai nhận, trong thời gian được tại ngoại điều tra, L đã nghe lời bạn bè sử dụng ma túy. Hiện L bị Ủy ban nhân dân thị trấn Long Bình đưa cắt cơn, giải độc tại Cơ sở Điều trị - Cai nghiện ma túy tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị T cho biết, xe mô tô biển kiểm soát 67G1-143.37 là của chồng bà tên Nguyễn Văn Cọp đứng tên đăng ký giấy chứng nhận. Từ khi ông Cọp chết đến nay bà là chủ sở hữu sử dụng (chưa sang tên). Tối 28/4/2020, X (con bà T) có hỏi mượn xe đi chơi. Hôm sau thì X có cho bà biết L mượn xe và đã mang sang Capuchia cầm. Bà T cùng X cơ quan Công trình báo và nhờ người đi chuộc xe. Số tiền chuộc xe là 4.800.000 đồng, bà Đ (mẹ của bị cáo L) có đưa được 2.500.000 đồng. Hiện bà T đã nhận lại xe, có yêu cầu bị cáo L tiếp tục bồi thường 2.300.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh X trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng;

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung;

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo L tiếp tục bồi thường cho bà T 2.300.000 đồng.

Bị cáo, bị hại, ngươi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Mặc dù, đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thành T, Hồ Thị Đ; người làm chứng Hồ Thị T1 vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐGTSTTHS ngày 18/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang; biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có cơ xác định:

Khoảng 20 giờ ngày 28/4/2020, tại quán cà phê của ông K (thuộc ấp T, thị trấn L), Nguyễn Văn L đã có hành vi lợi dụng vào sự quen biết, tin tưởng của Nguyễn Thanh X để mượn xe mô tô biển kiểm soát 67G1-143.37. Sau khi nhận được xe L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, L điều khiển xe sang Capuchia cầm lấy tiền đánh bạc và thua hết tiền, không khả năng chuộc xe trả lại. Theo định giá, xe có giá trị 4.875.000 (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đối với bị cáo Nguyễn Văn L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi qua lại biên giới trái phép của bị cáo trong tình hình dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp là hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng tình hình trật tự, an toàn xã hội. Cơ quan chức năng đã cách ly tập trung là rất tốt, đúng quy định, đảm bảo công tác phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng xét xử có lời nhắc nhở bị cáo L về hành vi vi phạm nêu trên. Mong bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục về sau.

Đối với hành vi đánh bạc, do bị cáo đánh bạc tại Campuchia và chỉ là lời khai của bị cáo. Do đó chưa đủ cơ sở và không thuộc thẩm quyền xử lý, nên cơ quan điều tra không điều tra, xử lý hành vi đánh bạc trong vụ án này là phù hợp quy định.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, vì mục đích vụ lợi. Nguyên nhân bị cáo thực hiện tội phạm là muốn có tiền tiêu xài và đánh bạc, nên cần xử lý nghiêm, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, trong thời gian được tại ngoại thì bị cáo lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật "sử dụng chất ma túy trái phép" và đang được tập trung cắt cơn, giải độc tại Cơ sở Điều trị - Cai nghiện ma túy tỉnh An Giang, chờ xử lý theo quy định.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có con còn nhỏ, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội; đã vi phạm pháp luật trong thời gian được tại ngoại. Xét cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian tập trung cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không nghề nghiệp ổn định, kinh tế gặp khó khăn, mới phạm tội lần đầu nên thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

[6.1] về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thị T đã bỏ ra số tiền 4.800.000 đồng để chuộc lại xe. Mẹ bị cáo L là bà Hồ Thị Được đã thay bị cáo trả lại cho bà T 2.500.000 đồng. Xét yêu cầu của bà T yêu cầu bị cáo bồi thường 2.300.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận. Buộc bị cáo L có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bà T 2.300.000 đồng. Đối với số tiền 2.500.000 đồng của bà Hồ Thị Đ, do bà bà Đ không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6.2] Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án là 01 (một) xe mô tô biển số 67G1-143.37, màu sơn nâu vàng đen, nhãn hiệu Honda, số khung 5359DY007200, số máy JC54E1012730 đã được xử lý trả lại cho bà Nguyễn Thị T trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa, bà T cũng đã xác định đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Vê tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

2/ Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị T 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo L không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/ Về án phí:

Căn cứ Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng án phí sơ thẩm bị cáo L phải chịu là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo và các đương sự trong vụ án không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

5/ Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bị cáo Nguyễn Văn L; bị hại Nguyễn Thị T; người liên quan Nguyễn Thanh X. Thời hạn kháng cáo của bị cáo L, bị hại T và người liên quan X là15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2020). Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện An Phú (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND TT Long Bình (1);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (3);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Sáu